

Bản án số: 85/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn.
2. Ông Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường T, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường T, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 3 năm 2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn T có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng thì tổ chức đám cưới vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm

2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên cờ bạc, đánh đập chị T. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Văn Trí Kh, sinh ngày 17/01/2019, hiện nay con đang ở với chị T. Sau khi ly hôn chị T trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ vào các ngày 20/5/2020 và 09/6/2020; tham gia phiên tòa vào các ngày 04/8/2020 và ngày 21/8/2020 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh T do Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương T hành ngày 11/6/2020, Hội Liên hiệp phụ nữ cung cấp thông tin như sau: Hội liên hiệp phụ nữ phường không nhận được đơn đề nghị hòa giải hôn nhân giữa chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn T, đồng thời Hội cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn và nuôi con của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T tham gia phiên tòa vào các ngày 04/8/2020 và ngày 21/8/2020 nhưng anh T vắng mặt không có lý do, chị Trịnh Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 09/6/2020. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 12/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh Nguyễn Văn T đến cung cấp bản tự khai, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị T để Tòa án T hành hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không có mặt. Chị T từ chối tham gia hòa giải vì xác định không còn tình cảm với anh T. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị T với anh T đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, anh T nhiều lần đánh đập chị T và thường xuyên cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, chị T đã nhiều lần cho anh T cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Quá trình T hành tố tụng Tòa án đã triệu tập anh T để hòa giải nhưng anh T bỏ mặc không quan T đến hòa giải đoàn tụ, hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị T. Vợ chồng chị T đã có thời gian ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay, vợ chồng không còn quan T chăm sóc cho nhau và không còn cùng nhau chăm sóc con chung, điều này cho thấy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Văn Trí Kh, sinh ngày 17/01/2019. Quá trình tố tụng anh T không có ý kiến về việc trực tiếp nuôi dưỡng các con và cấp dưỡng, chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly hôn vì anh T thường xuyên cờ bạc không có điều kiện nuôi dưỡng con. Xét, việc giao con cho ai chăm sóc phải đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các cháu. Con chung của chị T với anh T chưa đủ 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của chị T và chị T cũng là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Ngoài ra công việc và mức thu nhập của chị T cũng ổn định đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo cho con chung sự phát triển cả về vật chất và tinh thần. Vì vậy, việc giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T (giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 12/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa).

2. Về con chung:

Anh Nguyễn Văn T giao con chung tên Nguyễn Văn Trí Kh, sinh ngày 17/01/2019 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị T phải tạo điều kiện cho anh T trong việc thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0040291 ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND TP Dĩ An (1);
- CC THADS TP Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Kim Hoa